

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-9-2025

“V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Vũ.
2. Ông Trần Hữu Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Trương Công Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, về việc *“Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà H'B Niê, sinh năm: 1984; CCCD số 066184012440 cấp ngày 15/7/2022. Nơi cư trú: Buôn KD, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Y H Adrong, sinh năm: 1977; CCCD số 066077002373 cấp ngày 28/6/2021. Nơi cư trú: Buôn KD, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ trụ sở: Xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã E. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ nguyên đơn bà H'B Niê trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H'B Niê và ông Y H Adrong tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/02/2001. Do không hiểu biết quy định của pháp luật nên chúng tôi đã đăng ký kết hôn khi H mới 17 tuổi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Y H không lo làm ăn, thường xuyên đi uống rượu rồi về chửi mắng vợ con, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện tại bà H và ông Y H đã sống ly thân với nhau được 7 năm. Do việc đăng ký kết hôn của bà H'B Niê và ông Y H không đúng quy định của pháp luật, nên bà H'B Niê đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà H và ông Y H Adrong.

- Về con chung: Bà H và ông Y H Adrong có 03 con chung là H'RI Niê – sinh ngày 31/01/2001; Y S Niê – sinh ngày 29/7/2007 và Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015.

Đối với các con H'RI Niê và Y S Niê đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên bà H'B Niê không yêu cầu giải quyết.

Đối với Y Abăng N2 – sinh ngày 15/8/2015 chưa đủ 18 tuổi, bà H'B Niê có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Y Ab Niê cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H'B Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà H'B Niê không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Y H Adrong:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ, nhưng ông Y H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã áp dụng thủ tục niêm yết đối với ông Y H Adrong theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã E, ông Nguyễn Đức T trình bày:

Căn cứ Sổ kết hôn lưu trữ tại UBND xã E (nay là UBND xã E), ngày 09 tháng 02 năm 2001, UBND xã E đã thực hiện đăng ký kết hôn cho:

- Họ và tên chồng: Y H Adrong, sinh ngày 16/10/1977;
- Họ và tên vợ: H'B Niê, sinh ngày 26/02/1984;
- Đăng ký kết hôn tại: UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Số 43/2001 quyền số 01/2001.

Theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2001, điều kiện về độ tuổi kết hôn là: N3 phải từ 20 tuổi trở lên; N4 phải từ 18 tuổi trở lên.

Đối chiếu với quy định trên, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 09/02/2001), bà H'B Niê mới **16 tuổi 11 tháng**, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật hiện hành. Việc đăng ký kết hôn nói trên là không phù hợp với

quy định về độ tuổi kết hôn, do đó thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật.

UBND xã E đánh giá đây là sai sót về mặt hành chính trong quá trình thực hiện đăng ký kết hôn, do không kiểm tra kỹ điều kiện kết hôn tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. UBND xã E cam kết phối hợp đầy đủ và chặt chẽ với Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk, cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan khi được yêu cầu; đồng thời, tôn trọng và chấp hành nghiêm túc các quyết định, bản án do Tòa án ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

Do đặc thù công việc và để đảm bảo hoạt động quản lý, hành chính tại địa phương, UBND xã E xin vắng mặt trong suốt quá trình làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án đối với vụ án nêu trên. Kính đề nghị Tòa án xem xét hủy kết hôn trái pháp luật do UBND xã E (nay là UBND xã E) cấp ngày ngày 09 tháng 02 năm 2001 theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:*

+ Về đăng ký kết hôn: **Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.** Đề nghị Hội đồng xét xử hủy kết hôn trái pháp luật của bà H'B Niê và ông Y H Adrong;

+ Về con chung: Bà H và ông Y H có 03 con chung là H'Rl Niê – sinh ngày 31/01/2001; Y S Niê – sinh ngày 29/7/2007 và Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015.

Các con chung là H'Rola N5 và Y S Niê đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Giao cho bà H'B Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm

tra xem xét tại phiên tòa, kết quả trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con*”, việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn bà H'B Niê:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định: Bà H'B Niê và ông Y H Adrong tự nguyện kết hôn với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 09 tháng 02 năm 2001. Bà H'B Niê và ông Y H Adrong đã đăng ký kết hôn tại UBND xã nơi cư trú theo đúng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, nên việc kết hôn đó đã được đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định “*Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”, nhưng thời điểm đăng ký kết hôn, bà H'B Niê mới 16 tuổi 11 tháng, là chưa đủ tuổi kết hôn, nên kết hôn của bà H'B Niê và ông Y H Adrong là trái pháp luật.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, bà H'B Niê và ông Y H Adrong đã có đủ điều kiện kết hôn, nhưng bà H không muốn tiếp tục chung sống với ông Y H. Vì trong thời gian chung sống với nhau, tuy đã có 03 con chung, nhưng ông Y H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu rồi về chửi mắng vợ con, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên bà H yêu cầu Tòa án xử hủy kết hôn trái pháp luật.

Xét yêu cầu của bà H'B Niê là có căn cứ và phù hợp phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà H'B Niê và ông Y H Adrong.

[2.2]. Về hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc kết hôn trái

pháp luật bị hủy, thì bà H'B Niê và ông Y H Adrong phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[2.3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông Y H có 03 con chung là H'Rl Niê – sinh ngày 31/01/2001; Y S Niê – sinh ngày 29/7/2007 và Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015.

Hiện nay, các con chung là H'Rola N5 và Y S Niê hiện nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Đối với con chung Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015 chưa đủ 18 tuổi. Bà H có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Y Ab Niê cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần của con chưa thành niên, xét nguyện vọng của bà H và phù hợp với ý kiến của cháu Y Ab Niê, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H. Giao cho bà H' Bech Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; các Điều 35, 39, 143, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự; các điều Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật của bà H'B Niê và ông Y H Adrong.

Bà H'B Niê và ông Y H Adrong phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung H'Rl Niê – sinh ngày 31/01/2001 và Y S Niê – sinh ngày 29/7/2007 đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên không đề cập xem

xét, giải quyết.

Giao cho bà H' Bech Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Y Ab Niê – sinh ngày 15/8/2015 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà H'B Niê phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng, tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2023/0002886, ngày 11/7/2025 tại phòng THADS khu vực 9 – Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 9 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9 - Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Nụ